

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4-5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6-7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-28

100 000.000 VND

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà tại Hà Nội (“Trụ sở chính”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Trụ sở chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty tại Trụ sở chính trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Mạnh Linh	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 13/02/2018)
Ông Trần Hồng Thanh	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 13/02/2018)
Ông Trần Anh Thắng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 13/02/2018)
Bà Bùi Thị Thanh Hương	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 13/02/2018)
Bà Lưu Thị Tuyết Mai	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 13/02/2018)
Bà Vũ Thị Thúy	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 13/02/2018)
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 13/02/2018)
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 13/02/2018)
Ông Nguyễn Việt Hà	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 13/02/2018)

Ban Giám đốc

Bà Bùi Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 13/02/2018)
Ông Trần Hồng Thanh	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 13/02/2018)
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 13/02/2018, bổ nhiệm ngày 26/03/2018)
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 13/02/2018)
Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 13/02/2018)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính trong năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Trụ sở chính và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH

Ban Giám đốc xác nhận rằng Trụ sở chính đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Bùi Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc
(Theo Giấy ủy quyền số 284/GUQ.HHC ngày 10/05/2018)

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2019

10/05/2018
K
A
24

Số: 95/2019/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Trụ sở chính Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà (gọi tắt là “Trụ sở chính”), được lập ngày 16 tháng 04 năm 2019, từ trang số 06 đến trang 28, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Trụ sở chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Trụ sở chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Trụ sở chính Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		752.885.839.809 ✓	228.636.369.451 ✓
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	28.067.852.653 ✓	73.238.956.183 ✓
1. Tiền	111		28.067.852.653	52.238.956.183
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	21.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		152.000.000.000 ✓	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	152.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		473.212.955.922 ✓	62.466.795.517 ✓
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	95.475.558.295	29.773.603.782
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	232.634.517.661	2.722.317.100
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		46.642.809.526	28.262.747.376
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	98.460.070.440	1.708.127.259
IV. Hàng tồn kho	140	10	97.768.836.385 ✓	90.476.319.184 ✓
1. Hàng tồn kho	141		97.768.836.385	90.476.319.184
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.836.194.849 ✓	2.454.298.567 ✓
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.739.726.490	1.679.886.437
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		45.819.079	742.383.310
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	50.649.280	32.028.820
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		256.305.983.341 ✓	278.532.697.304 ✓
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		224.446.975 ✓	224.446.975 ✓
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	224.446.975	224.446.975
II. Tài sản cố định	220		202.296.398.711 ✓	220.594.741.248 ✓
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	202.296.398.711	220.594.741.248
- Nguyên giá	222		436.945.080.937	458.823.250.772
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(234.648.682.226)	(238.228.509.524)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		95.000.000	95.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(95.000.000)	(95.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		53.785.137.655 ✓	57.713.509.081 ✓
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	53.785.137.655	57.713.509.081
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.009.191.823.150 ✓	507.169.066.755 ✓

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		616.247.486.644 ✓	154.962.278.467 ✓
I. Nợ ngắn hạn	310		292.778.063.779 ✓	154.393.355.602 ✓
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	98.714.367.752	86.364.705.252
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.258.466.121	5.038.899.183
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	17.147.562.014	6.157.443.796
4. Phải trả người lao động	314		25.089.861.036	23.837.846.790
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12	12.932.376.825	6.396.754.146
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		623.140.005	563.380.006
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	15.431.889.613	14.989.366.690
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	118.884.071.411	252.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.696.329.002	10.792.959.739
II. Nợ dài hạn	330		323.469.422.865 ✓	568.922.865 ✓
1. Phải trả dài hạn khác	337	13	969.422.865	568.922.865
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	322.500.000.000	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		392.944.336.506 ✓	352.206.788.288 ✓
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	392.944.336.506	352.206.788.288
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		164.250.000.000	164.250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		164.250.000.000	164.250.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		33.502.910.000	33.502.910.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.656.202.300	3.656.202.300
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		146.406.604.365	114.390.296.941
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		45.128.619.841	36.407.379.047
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.706.002.811	2.713.954.751
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.422.617.030	33.693.424.296
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.009.191.823.150 ✓	507.169.066.755 ✓

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2019

Người lập

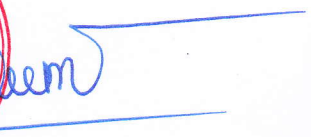
Trưởng phòng tài vụ

Tổng Giám đốc









Nguyễn Thị Thanh Bình

Đinh Thị Lan Anh

Bùi Thị Thanh Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MẪU SỐ B 02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		987.736.998.425	846.542.418.685
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		17.606.148.777	8.850.380.246
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	20	970.130.849.648	837.692.038.439
4. Giá vốn hàng bán	11	21	753.745.916.059	678.414.325.322
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		216.384.933.589	159.277.713.117
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	17.248.552.653	3.831.487.137
7. Chi phí tài chính	22	23	16.354.167.636	110.375.829
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.755.163.943	16.329.600
8. Chi phí bán hàng	25	24	114.611.885.438	62.150.642.748
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	49.286.119.618	58.586.036.936
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		53.381.313.550	42.262.144.741
11. Thu nhập khác	31		1.546.744.261	577.310.625
12. Chi phí khác	32		1.364.702.122	649.478.111
13. Lợi nhuận khác	40		182.042.139	(72.167.486)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		53.563.355.689	42.189.977.255
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		11.140.738.659	8.555.643.868
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		42.422.617.030	33.634.333.387

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2019

Người lập

Trưởng phòng tài vụ

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Bình

Đinh Thị Lan Anh

Bùi Thị Thanh Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MẪU SỐ B 03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	53.563.355.689	42.189.977.255
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	25.728.111.497	19.175.903.829
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	28.736.019	(51.391.162)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(17.696.253.001)	(3.839.038.740)
- Chi phí lãi vay	06	15.755.163.943	16.329.600
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	77.379.114.147	57.491.780.782
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(185.413.511.035)	10.898.481.646
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(7.292.517.201)	(4.436.063.619)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	23.964.684.313	(30.742.928.696)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.868.531.373	(4.018.724.866)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(14.890.062.374)	(16.200.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.295.956.364)	(9.335.427.193)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	10.334.690.137	60.950.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(21.203.767.143)	(6.897.639.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(119.548.794.147)	13.004.229.054
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(216.035.783.214)	(131.340.243.043)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	973.339.094	463.636.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(162.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.000.000.000	82.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	251.300.992	5.752.178.642
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(366.811.143.128)	(43.124.428.037)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	636.370.710.515	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(195.238.639.104)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(8.213.925.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	441.132.071.411	(8.213.925.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(45.227.865.864)	(38.334.123.983)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	73.238.956.183	111.519.234.631
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	56.762.334	53.845.535
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	28.067.852.653	73.238.956.183

Người lập

Trưởng phòng tài vụ

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Bình

Đinh Thị Lan Anh

Bùi Thị Thanh Hương

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà (“Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003614 ngày 20/01/2004; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101444379 thay đổi lần thứ 7 ngày 09/05/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 7 là 164.250.000.000 đồng tương ứng với 16.425.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất và kinh doanh các loại thực phẩm, đồ uống như bánh, kẹo, đường, sữa, cà phê, đồ uống không cồn, nước khoáng...;
- Kinh doanh, bán lẻ rượu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Đầu tư xây dựng, cho thuê văn phòng, nhà ở, trung tâm thương mại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Trụ sở chính được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 25 - 27 đường Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Các đơn vị trực thuộc Công ty bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
A Các đơn vị hạch toán chung (xác định kết quả kinh doanh cùng Văn phòng Công ty)		
1 Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà 1	Đường Lạc Long Quân, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	
2 Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà 2	Số 3, đường Thanh Bình, phường Hạ Long, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.	
3 Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà	Khu Công nghiệp VSIP Bắc Ninh - Số 3, đường 8, xã Phù Chẩn, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	
B Các đơn vị có tổ chức hạch toán kế toán (có xác định kết quả kinh doanh của đơn vị)		
1 Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	Lô 27 đường Tân Tạo - Khu CN Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh;	Phân phối sản phẩm của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà
2 Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	Số 134 đường Phan Thanh, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	Phân phối sản phẩm của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Do Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng của Trụ sở chính Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà nên người sử dụng báo cáo tài chính riêng này cần đọc cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và những thay đổi về tình hình tài chính của toàn Công ty.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Trụ sở chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh), bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, thương phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các loại chứng khoán nợ khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác, không bao gồm các khoản đã được trình bày trong các chỉ tiêu "Các khoản tương đương tiền", "Phải thu về cho vay ngắn hạn" và "Phải thu về cho vay dài hạn".

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.... Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Lãi tiền gửi phát sinh sau ngày mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi theo thuyết minh "Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi".

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa Trụ sở chính và các đơn vị khác không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản... \

Trụ sở chính căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Trụ sở chính được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyên giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính; riêng một số tài sản cố định thuộc nhóm máy móc, thiết bị và nhóm phương tiện vận tải được tính theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 07

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị các chương trình phần mềm về quản lý và kế toán. Các chương trình phần mềm được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Trụ sở chính. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí trả trước tiền thuê đất tại khu công nghiệp Tân Tạo và khu Công nghiệp VSIP - Bắc Ninh, chi phí thuê kho, thuê cửa hàng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

- Chi phí trả trước tiền thuê đất được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo thời gian của hợp đồng thuê.
- Các khoản chi phí dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 02 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Trụ sở chính và các đơn vị khác không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh về chuyển đổi ngoại tệ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm khoản nợ còn phải trả do đã nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa có hóa đơn hoặc các khoản chi phí của kỳ báo cáo chưa có đủ hồ sơ, tài liệu nhưng chắc chắn sẽ phát sinh cần phải được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc tạm trích theo Điều lệ Công ty và được trích lập bổ sung/điều chỉnh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Trụ sở chính đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Trụ sở chính không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Trụ sở chính sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong năm của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: lãi tiền vay; chiết khấu thanh toán; lỗ chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ (ngoại trừ chi phí đi vay đã được vốn hóa);
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Trụ sở chính có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Trụ sở chính có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính toán và xác định căn cứ trên kết quả sản xuất kinh doanh của Trụ sở chính và các chi nhánh và được nộp tập trung tại Trụ sở chính. Theo đó, Trụ sở chính không thuyết minh chi tiết chi tiêu "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành" trong báo cáo riêng của Trụ sở chính.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty và được theo dõi tại Trụ sở chính nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty/Trụ sở chính trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Trụ sở chính, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Trụ sở chính: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Trụ sở chính và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Trụ sở chính, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Trụ sở chính.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.226.141.728	154.645.294
Tiền gửi ngân hàng	26.841.710.925	52.084.310.889
Các khoản tương đương tiền	-	21.000.000.000
Cộng	<u>28.067.852.653</u>	<u>73.238.956.183</u>

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	<u>31/12/2018</u>		<u>01/01/2018</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Mua trái phiếu Công ty TNHH Hakuba (*)	12.000.000.000	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác (**)	140.000.000.000	-	-	-
Cộng	<u>152.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(*): Là khoản đầu tư thông qua hình thức mua trái phiếu của Công ty TNHH Hakuba. Công ty nắm giữ số lượng 120.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 đồng/1 trái phiếu, loại trái phiếu không chuyển đổi, phát hành ngày 27/04/2018, đáo hạn ngày 27/04/2021, số lượng trái phiếu nói trên đã được bán cho Công ty Cổ phần Chứng khoán ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng mua bán trái phiếu số 40/HĐTP-M/VPBS/HKB_TP/HO ngày 02/05/2018 (VPBS), trái phiếu sẽ được chuyển giao cho VPBS vào ngày 19/04/2019.

(**): Là khoản Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn theo Hợp đồng dịch vụ chứng khoán số 01/2018/HHC-VFS ngày 24/4/2018 với Công ty Cổ phần chứng khoán Nhất Việt ("VFS" - bên liên quan của Công ty). Ngày 24/04/2018, VFS có Công văn thông báo về việc tìm kiếm được đối tác là Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Alpha ("Alpha") cùng tìm kiếm khách hàng đáp ứng nhu cầu đầu tư của Công ty. Sau khi xem xét Công ty đã chấp thuận chuyển tiền đặt cọc mua chứng khoán theo đề xuất của VFS. Tại ngày 31/12/2018, Công ty Alpha đã xác nhận có nghĩa vụ phải trả khoản nợ gốc 140 tỷ đồng và lãi 10.108.767.123 đồng cho Công ty cổ phần Bánh kẹo Hải Hà theo đúng các hợp đồng và thỏa thuận đã ký giữa HHC - VFS - Alpha.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
IMPACT CO., LTD (Shine Win Trading)	5.533.085.963	2.613.914.002
ZONATRADING FOODS CO.,LTD(D-Khand)	9.827.690.878	7.011.949.746
Các khoản phải thu khách hàng khác	80.114.781.454	20.147.740.034
Cộng	<u>95.475.558.295</u>	<u>29.773.603.782</u>

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
CN Công ty TNHH thương mại & KT PCCC Phú Thị	-	1.577.290.700
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại MESA	20.154.678.125	-
Công ty Cổ phần AMPIRE (*)	76.000.000.000	-
Công ty Cổ phần ABG Thủ Đức (*)	56.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Á châu (*)	67.400.000.000	-
Các đối tượng khác	12.479.839.536	1.145.026.400
Cộng	232.634.517.661	2.722.317.100

(*): Toàn bộ nguồn vốn huy động thông qua việc phát hành trái phiếu (trình bày tại thuyết minh số 17) đã được tạm ứng cho các nhà thầu: Công ty Cổ phần Ampire, Công ty Cổ phần ABG Thủ Đức và Công ty Cổ phần Ô-tô Á Châu theo các hợp đồng cung cấp máy móc thiết bị sản xuất. Phương án phát hành, mục đích sử dụng vốn từ việc phát hành trái phiếu và các nội dung liên quan đến lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt sau khi đã có đánh giá hồ sơ năng lực của các nhà thầu thực hiện của dự án.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	98.460.070.440	-	1.708.127.259	-
Tạm ứng	4.815.684.806	-	1.660.705.037	-
Dự thu lãi tiền gửi, cho vay	16.748.171.759	-	47.422.222	-
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Alpha (*)	10.108.767.123	-	-	-
Các đối tượng khác	6.639.404.636	-	-	-
Phải thu khác	76.896.213.875	-	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại MESA (**)	76.845.321.875	-	-	-
Các khoản phải thu khác	* 50.892.000	-	-	-
Dài hạn	224.446.975	-	224.446.975	-
Ký cược, ký quỹ	224.446.975	-	224.446.975	-
Cộng	98.684.517.415	-	1.932.574.234	-

(*): Lãi dự thu theo Hợp đồng và Biên bản xác nhận về khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: số tiền gốc là 140 tỷ đồng, lãi dự thu là 10.108.767.123 đồng tại ngày 31/12/2018 (chi tiết theo thuyết minh số 06).

(**): Số dư phải thu khác từ Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại MESA là khoản tiền hợp tác đầu tư kinh doanh theo Hợp đồng số 64/HĐHTĐT/MESA-HHC ngày 01/04/2018, Hợp đồng Số 02052018/HĐHTĐT/MESA-HHC ngày 01/05/2018 và Hợp đồng hợp tác đầu tư số 03122018/HĐHTĐT/MESA-HHC ngày 18/12/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	391.069.823	-	1.069.993.371	-
Nguyên liệu, vật liệu	66.673.060.575	-	66.224.463.955	-
Công cụ, dụng cụ	316.773.669	-	139.783.796	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	71.410.729	-	17.373.116	-
Thành phẩm	30.207.675.056	-	23.024.704.946	-
Hàng hoá	108.846.533	-	-	-
Cộng	97.768.836.385	-	90.476.319.184	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn (chi tiết theo từng khoản mục)	1.739.726.490	1.679.886.437
Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho	45.500.000	183.000.000
Chi phí quảng cáo	65.773.806	1.203.276.972
Các khoản khác	1.628.452.684	293.609.465
Dài hạn	53.785.137.655	57.713.509.081
Chi phí thuê đất tại KCN VSIP Bắc Ninh	47.755.101.037	48.985.464.607
Chi phí thuê đất tại KCN Tân Tạo (Tp. Hồ Chí Minh)	2.547.605.652	2.628.854.592
Chi phí quảng cáo	772.785.116	3.081.277.777
Chi phí sửa chữa, công cụ dụng cụ	2.689.023.374	2.860.868.149
Chi phí trả trước dài hạn khác	20.622.476	157.043.956
Cộng	55.524.864.145	59.393.395.518

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	12.932.376.825	6.396.754.146
Trích trước chi phí lãi vay	877.175.569	9.994.400
Trích trước chi phí vận chuyển	4.571.756.944	2.621.051.373
Trích trước chi phí bán hàng	6.492.342.719	1.770.172.445
Trích trước chi phí khác	991.101.593	1.995.535.928
Dài hạn	-	-
Cộng	12.932.376.825	6.396.754.146

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	15.431.889.613	14.989.366.690
Kinh phí công đoàn	245.919.133	36.828.950
Các khoản bảo hiểm	37.641.484	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	552.100.000	406.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	11.912.750	11.912.750
Công ty Liên danh ACI Vietnam- Đông Á (*)	14.500.000.000	14.500.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	84.316.246	34.624.990
Dài hạn	969.422.865	568.922.865
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	969.422.865	568.922.865
Cộng	<u>16.401.312.478</u>	<u>15.558.289.555</u>

(*) Khoản tiền thanh toán theo tiến độ của Công ty Liên danh ACI Vietnam - Đông Á theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 09/HHC-ACI Vietnam- Đông Á ngày 17/3/2016 để thực hiện Dự án “Đầu tư xây dựng tổ hợp Văn phòng làm việc, Giới thiệu sản phẩm, Dịch vụ Thương mại và nhà ở tại địa điểm số 25-27 Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội”.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
- NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2018	166.196.163.388	268.671.382.239	23.500.404.145	455.301.000	458.823.250.772
Mua trong năm	2.999.761.818	4.115.081.364	1.385.602.180	-	8.500.445.362
Điều chuyển nội bộ	-	-	(2.186.392.268)	-	(2.186.392.268)
Thanh lý, nhượng bán	(44.527.619)	(26.561.559.274)	(1.544.486.036)	(41.650.000)	(28.192.222.929)
Tại ngày 31/12/2018	169.151.397.587	246.224.904.329	21.155.128.021	413.651.000	436.945.080.937
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2018	48.048.675.830	174.813.997.155	15.126.512.571	239.323.968	238.228.509.524
Khấu hao trong năm	11.774.754.123	12.246.511.264	1.650.945.142	55.900.968	25.728.111.497
Điều chuyển nội bộ	-	-	(1.344.852.488)	-	(1.344.852.488)
Thanh lý, nhượng bán	(44.527.619)	(26.332.422.652)	(1.544.486.036)	(41.650.000)	(27.963.086.307)
Tại ngày 31/12/2018	59.778.902.334	160.728.085.767	13.888.119.189	253.574.936	234.648.682.226
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2018	118.147.487.558	93.857.385.084	8.373.891.574	215.977.032	220.594.741.248
Tại ngày 31/12/2018	109.372.495.253	85.496.818.562	7.267.008.832	160.076.064	202.296.398.711
<i>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng</i>	26.907.143.520	122.219.872.267	6.514.257.168	156.677.510	155.797.950.465 ✓

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp	18.027.749.861	18.027.749.861	10.086.481.152	10.086.481.152
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại An Khải	1.174.895.964	1.174.895.964	7.774.007.900	7.774.007.900
Công ty Cổ phần Bao bì Lam Sơn	5.018.910.010	5.018.910.010	5.743.944.172	5.743.944.172
Công ty TNHH Bao bì Nhựa Tân Hiệp Lợi	-	-	5.160.383.447	5.160.383.447
Công ty Cổ phần Thực phẩm Minh Dương	5.210.493.350	5.210.493.350	4.560.623.625	4.560.623.625
Công ty TNHH TMA	5.034.807.888	5.034.807.888	4.434.973.290	4.434.973.290
Công ty TNHH Sản xuất bột mỳ VIMAFLOUR	6.580.891.625	6.580.891.625	3.776.507.625	3.776.507.625
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	57.666.619.054	57.666.619.054	44.827.784.041	44.827.784.041
Cộng	98.714.367.752	98.714.367.752	86.364.705.252	86.364.705.252

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09 - DN

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
-Thuế GTGT đầu ra	1.248.424.746	26.018.162.667	19.843.792.175	7.422.795.238
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	4.335.501.659	4.370.095.461	(34.593.802)
Thuế nhập khẩu	(32.028.820)	1.614.651.226	1.598.677.884	(16.055.478)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.401.635.690	11.140.738.659	6.295.956.364	9.246.417.985
Thuế thu nhập cá nhân	503.201.000	1.855.083.804	1.882.947.173	475.337.631
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	8.752.847.097	8.752.847.097	-
Thuế khác và các khoản phải nộp khác	4.182.360	221.704.315	222.875.515	3.011.160
Cộng	6.125.414.976	53.938.689.427	42.967.191.669	17.096.912.734
Trong đó:				
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	32.028.820			50.649.280
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.157.443.796			17.147.562.014

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN

17. VAY NGẮN DÀI HẠN

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Vay	Trả	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	252.000.000	252.000.000	313.870.710.515	195.238.639.104	118.884.071.411	118.884.071.411
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - CN Thăng Long (i)	-	-	145.458.838.997	92.316.938.380	53.141.900.617	53.141.900.617
Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Sở giao dịch 1	-	-	55.000.000.000	55.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công (ii)	-	-	95.911.871.518	47.671.700.724	48.240.170.794	48.240.170.794
Vay cá nhân	252.000.000	252.000.000	-	250.000.000	2.000.000	2.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	17.500.000.000	-	17.500.000.000	17.500.000.000
Ngân hàng TMCP SG Thương tín - CN Thăng Long (iii)	-	-	17.500.000.000	-	17.500.000.000	17.500.000.000
Vay dài hạn	-	-	340.000.000.000	17.500.000.000	322.500.000.000	322.500.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Thăng Long (iii)	-	-	140.000.000.000	17.500.000.000	122.500.000.000	122.500.000.000
Trái phiếu phát hành cho Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực (iv)	-	-	200.000.000.000	-	200.000.000.000	200.000.000.000
Cộng	252.000.000	252.000.000	653.870.710.515	212.738.639.104	441.384.071.411	441.384.071.411

(i): Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức 1 năm kể từ ngày 21/04/2018, hạn mức tín dụng là 70 tỷ đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, tài sản đảm bảo là một phần tài sản cố định của Công ty tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh, xã Phù Chấn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, lãi suất được quy định cụ thể trong từng lần nhận nợ.

(ii): Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức 12 tháng kể từ ngày 18/07/2018, hạn mức vay là 100 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động, lãi suất được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ.

(iii): Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng ngày 21/04/2018 trong thời hạn 5 năm, hạn mức tín dụng được cấp là 250 tỷ đồng, mục đích vay là đầu tư xây dựng nhà máy Giai đoạn 1 và 2, tài sản đảm bảo là một phần tài sản cố định của Công ty tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh, xã Phù Chấn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; khoản vay được ân hạn gốc 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;

(iv): Trái phiếu phát hành cho Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực theo Hợp đồng mua trái phiếu số 55/2018/HĐMTB/EVNFC-HHC ngày 16/10/2018, số lượng 200 trái phiếu không chuyển đổi, mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu là 5 năm, ngày đáo hạn là 16/10/2023, với mục đích tài trợ vốn cho Công ty đầu tư dây chuyền thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản đảm bảo là tài sản của công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2017	164.250.000.000	33.502.910.000	3.656.202.300	114.390.296.941	10.926.454.751	326.725.863.992
Lãi trong năm	-	-	-	-	33.634.333.387	33.634.333.387
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(8.212.500.000)	(8.212.500.000)
Tặng khác	-	-	-	-	59.090.909	59.090.909
Tại ngày 01/01/2018	164.250.000.000	33.502.910.000	3.656.202.300	114.390.296.941	36.407.379.047	352.206.788.288
Lãi trong năm	-	-	-	-	42.422.617.030	42.422.617.030
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	32.016.307.424	(33.701.376.236)	(1.685.068.812)
Tại ngày 31/12/2018	164.250.000.000	33.502.910.000	3.656.202.300	146.406.604.365	45.128.619.841	392.944.336.506

(*) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 241/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2018 thông qua phương án phân phối lợi nhuận như sau: trích quỹ Đầu tư phát triển số tiền 32.016.307.424 đồng, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền 1.685.068.812 đồng. Công ty không thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông và dùng lợi nhuận để đầu tư phát triển kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09- DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	164.250.000.000	164.250.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	164.250.000.000	164.250.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	8.212.500.000

Cổ phiếu

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.425.000	16.425.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.425.000	16.425.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	16.425.000	16.425.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.425.000	16.425.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	16.425.000	16.425.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu):	10.000	10.000

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Ngoại tệ các loại - USD	124.388,57	639.170,09

20. DOANH THU THUẬN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	987.736.998.425	846.542.418.685
Doanh thu bán hàng	975.626.766.296	837.467.651.704
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	12.110.232.129	9.074.766.981
Các khoản giảm trừ doanh thu	17.606.148.777	8.850.380.246
Chiết khấu thương mại	6.767.185.153	392.341.520
Hàng bán bị trả lại	10.838.963.624	8.458.038.726
Doanh thu thuần	970.130.849.648	837.692.038.439

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	753.745.916.059	678.414.325.322
Cộng	753.745.916.059	678.414.325.322

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09- DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi	16.952.050.529	3.721.734.197
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	296.502.124	58.361.778
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	-	51.391.162
Cộng	17.248.552.653	3.831.487.137

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	15.755.163.943	16.329.600
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	210.457.124	75.543.091
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	28.736.019	-
Chiết khấu thanh toán	160.986.732	18.503.138
Chi phí tài chính khác	198.823.818	-
Cộng	16.354.167.636	110.375.829

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	49.286.119.618	58.586.036.936
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	699.782.208	921.860.027
Chi phí nhân viên quản lý	19.008.416.919	26.757.008.306
Chi phí khấu hao tài sản cố định	322.674.276	6.932.223.950
Thuế, phí và lệ phí	8.763.847.097	5.125.527.726
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.111.203.279	13.734.746.388
Chi phí khác	3.380.195.839	5.114.670.539
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	114.611.885.438	62.150.642.748
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.658.663.706	9.114.991.496
Chi phí nhân viên	35.074.163.323	4.644.216.547
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.011.361.124	1.347.915.720
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.831.777.617	35.385.860.361
Chi phí khác	7.035.919.668	11.657.658.624
Cộng	163.898.005.056	120.736.679.684

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09- DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	644.730.733.385	577.955.077.158
Chi phí nhân công	146.988.875.848	123.771.276.202
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.728.111.497	19.175.903.829
Chi phí dịch vụ mua ngoài	102.160.103.500	68.784.745.558
Chi phí khác	24.512.310.109	27.134.219.299
Cộng	<u>944.120.134.339</u>	<u>816.821.222.046</u>

26. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	Ủy viên Hội đồng quản trị của Công ty là Chủ tịch HĐQT của Công ty Chứng khoán Nhất Việt
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại MESA	Ủy viên HĐQT của Công ty là Chủ tịch HĐQT của Công ty MESA
Công ty Cổ phần Beyond Communication	Ủy viên HĐQT của Công ty là Chủ tịch HĐQT của Công ty Beyond

Trong năm, Trụ sở chính có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
Chuyển tiền		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	140.000.000.000	-
Mua hàng		
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại MESA	27.067.237.035	-
Cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Beyond Communication	6.425.934.027	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	100.000.000	-
Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc	2.823.081.111	3.287.942.000

Số dư với các bên liên quan:

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Trả trước cho người bán		
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại MESA	20.154.678.125	-
Công ty Cổ phần BEYOND COMMUNICATION	3.011.625.000	-
Phải thu khác		
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại MESA	82.760.912.812	-

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Trụ sở chính cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2019

Người lập

Trưởng phòng tài vụ

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Bình

Đinh Thị Lan Anh

Bùi Thị Thanh Hương